TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2023/DS-ST
Ngày 10 – 8 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Công Đoàn.

Ông Hồ Thanh Phong.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Dương Thị H, sinh năm 1949. Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Anh Đỗ Tường N, sinh năm 1974. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của bà Dương Thị H, thể hiện:*

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2019 đến tháng 6/2020 anh Đỗ Tường N (cháu bà H) cùng vợ là chị Nguyễn Thị T nhiều lần hỏi vay, mượn tiền và vàng của bà H, mục đích vay để về nuôi tôm; cụ thể như sau: Ngày 24/3/2019 âm lịch vay 50.000.000 đồng, ngày 26/5/2019 âm lịch vay 20.000.000 đồng, ngày 12/9/2019 âm lịch mượn 05 chỉ vàng 24k, ngày 04/4/2020 âm lịch mượn 25.000.000 đồng; ngày 26/6/2020 âm lịch mượn 05 chỉ vàng 24k và 25.000.000

đồng; tổng số anh N, chị T đã vay, mượn là 120.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k. Quá trình vay, mượn anh N, chị T có trả lãi đối với khoản tiền vay nhưng không đầy đủ và không xác định được cụ thể số tiền lãi đã trả.

Sau khi trả được 30.000.000 đồng, còn thiếu lại 90.000.000 đồng (có 65.000.000 đồng tiền vay và 25.000.000 đồng cho mượn) và 10 chỉ vàng 24k thì anh N, chị T không thực hiện tiếp. Mặc dù đã nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng anh N, chị T không thực hiện; do vậy, bà H khởi kiện yêu cầu anh N, chị T trả lại số tiền, vàng còn thiếu.

** Lời trình bày của chị Nguyễn Thị T tại phiên tòa, thể hiện*: Chị thừa nhận vợ chồng có vay, mượn các khoản tiền, vàng trên của bà H; sau khi trả được 30.000.000 đồng thì do điều kiện gia đình nên không tiếp tục trả. Qua yêu cầu của bà H, chị đồng ý cùng anh N trả số tiền, vàng còn thiếu.

** Đối với anh Đỗ Tường N:* Đã được tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng đối với yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng anh N không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Dương Thị H khởi kiện yêu cầu anh Đỗ Tường N, chị Nguyễn Thị T trả số tiền, vàng đã vay, mượn còn thiếu nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Đỗ Tường N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Bà Dương Thị H là dì ruột của anh Đỗ Tường N, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T (vợ anh N) thừa nhận thiếu bà H số tiền 90.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k. Mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh N không có ý kiến phản đối về nội dung bà H khởi kiện nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó có căn cứ xác định anh N, chị T còn thiếu bà H số tiền 90.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24k nên bà H khởi kiện yêu cầu anh N, chị T trả lại là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh N, chị T phải chịu là: (90.000.000 đồng + 10 chỉ vàng 24k x 5.610.000 đồng/chỉ) x 5% x 50%= 3.652.500 đồng (anh N, chị T có đơn xin nên được xét giảm 50% án phí).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 25, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H. Buộc anh Đỗ Tường N, chị Nguyễn Thị T trả cho bà H số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) và 10 (mười) chỉ vàng 24k.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà H cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng anh N, chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh N, chị T phải chịu 3.652.500 đồng (ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn